

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Bản án số: 1014/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 22/9/2020  
V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Ông Phạm Văn Chính.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 798/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị U, sinh năm 1972; thường trú: ấp T, xã H, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: 22/1B tổ A, ấp B, xã X, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (có mặt)

*Bị đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1971; thường trú: ấp T, xã H, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: 22/1B tổ A, ấp B, xã X, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị U trình bày:*

Bà Lê Thị U chung sống với ông Phạm Văn H từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Từ năm năm 2017, hai bên thường xuyên mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, nghiêm trọng do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, không thể có tiếng nói chung gây căng thẳng trong gia đình, ảnh hưởng không tốt đến con cháu. Bà và ông H sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không thể tiếp tục chung sống với nhau. Bà và ông H có 02 con chung là Phạm Thị Kiều D, sinh ngày 01/01/1989 và Phạm Văn H, sinh ngày 01/5/1997. Vì

vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng, các con chung đều đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định ở với ai, giữa bà và ông H không có nợ chung, không có tài sản chung.

*Bị đơn là ông Phạm Văn H được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.*

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án không công nhận bà Lê Thị U và ông Phạm Văn H là vợ chồng vì không đăng ký kết hôn. 02 con chung đều đã trên 18 tuổi. Xác định không có tài sản chung, không có nợ chung.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Bà U và ông H chung sống với nhau từ năm 1988 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên họ không được công nhận là vợ chồng. Nay bà U có yêu cầu ly hôn thì Tòa án ra bản án không công nhận họ là vợ chồng. 02 con chung sinh năm 1989 và 1997 đều đã trên 18 tuổi. Bà U xác định bà và ông H không có tài sản chung, không có nợ chung. Căn cứ các Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ chồng; Các đương sự đang cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Phạm Văn H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ chồng: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, có căn cứ xác định bà Lê Thị U và ông Phạm Văn H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Do bà U và ông H chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà U và ông H là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của bà U, bản sao Giấy khai sinh số 178/2014, quyển số 01/2014 ngày 25/9/2014 và bản sao Giấy khai sinh số 63, quyển số 01 ngày 26/5/1997 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, xác định bà U và ông H có 02 con chung là Phạm Thị Kiều D, sinh ngày 01/01/1989 và Phạm Văn H, sinh ngày 01/5/1997. 02 con chung đều đã đủ 18 tuổi. Bà U không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà U trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ"*. Ông H vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên phải tự chịu trách nhiệm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà U phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14 và Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị U và ông Phạm Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: có 02 con chung là Phạm Thị Kiều D, sinh ngày 01

tháng 01 năm 1989 và Phạm Văn H, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1997. Các con chung đều đã đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị U trình bày không có.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị U trình bày không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị U phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004587 ngày 06/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Như vậy, bà Lê Thị U đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THA DS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phạm Văn Huy**